TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-PT
Ngày: 31-5 –2023
V/v "Đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Ông Hồ Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 166/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2023/QĐPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Chí L, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1951, (có mặt).

Địa chỉ: số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Chí C, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: số B đường P, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Bà Cao Mộng N, sinh năm 1984, (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường P, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Đặng Chí C: Bà Cao Mộng N, sinh năm 1984. *(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 20 tháng 01 năm 2021).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Minh C1, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Trương Thị O, sinh năm 1959, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Bà Đặng Thị Như H, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: số E khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang.

5. Người kháng cáo: Ông Đặng Chí L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Đặng Chí L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh P trình bày: Từ năm 2009 đến 2011, ông L đi học ở nước ngoài nên có nhờ anh ruột là ông Đặng Chí C đến Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H nhận thay số tiền học bổng (được cấp theo đề án HG160) và dùng số tiền nhận được để mua giùm cho ông L phần đất để sau này ông L về làm việc thì có nhà để sinh sống. Từ tháng 10/2009 đến tháng 5/2021, ông C đã thay mặt ông L nhận bảy lần với tổng số tiền là 357.799.600 đồng. Ông C đã trực tiếp liên hệ với người bán mua giùm ông L phần đất diện tích 103,3m^2 tại thửa số 1744 (Lô nền U-28) thuộc tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại B P, khu V, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (viết tắt là số B P), với giá là 129.125.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 426614 ngày 06/01/2011 do ông C và bà N đứng tên. Cuối năm 2010, khi ông L về, ông C có dẫn ông L lại xem nền đất đã mua. Do thấy hoàn cảnh ông C khó khăn, ông L thì còn đi học chưa có nhu cầu sử dụng phần đất, ông L đồng ý cho vợ chồng ông C cất nhà ở tạm trên phần đất này. Năm 2020, ông L về lại Việt Nam yêu cầu ông C, bà N giao đất lại cho ông L thì bà N vợ ông C không đồng ý. Qua các cuộc trao đổi, ông C đã nhiều lần gửi tin nhắn đồng ý cùng ông L ra công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng do vợ ông C không đồng ý nên ông C không đi và cũng không còn đồng ý trả lại phần đất trên.

Vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất diện tích 103,3m^2, thửa đất số 1744 (Lô nền U-28) thuộc tờ bản đồ số 21 tại số B P cho ông. Buộc ông C, bà N tháo dở, di dời căn nhà cấp 4, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, móng đơn gia cố cừ tràm, mái lợp tole, tường gạch bao che để trả phần đất cho ông L.

Bị đơn bà Cao Mộng N đồng thời là người đại diện cho bị đơn ông Đặng Chí C trình bày: Ngày 30/6/2010 vợ chồng có nhận chuyển nhượng và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Bùi Ngọc V (ông V được chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp thành phố C), thửa đất số 1551 (1744), tờ bản đồ số 21, vị trí lô nền U-28, diện tích 105,3m^2 - 2m^2 (vạt góc) = 103,3m^2 tại số B P với giá chuyển nhượng là 129.125.000 đồng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/01/2011. Đến năm 2015, vợ chồng bà xây dựng căn nhà trệt và sử dụng đến nay. Trong quá trình ông, bà nhận chuyển nhượng, xin phép và tiến hành xây dựng nhà ở không ai tranh chấp. Phần đất và căn nhà trên không liên quan số tiền ký nhận của ông C từ Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh H. Đối với đoạn ghi âm được phía ông L cung cấp cho Toà án, bà N xác định đó là giọng nói của ông C là chồng của bà, nội dung cuộc nói chuyện bà cho rằng không liên quan phần đất và căn nhà của bà. Bà và ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Minh C1 trình bày: Ngày 05/12/2020 gia đình có mở cuộc họp gia đình gồm có ông C1, bà O, bà H, ông C, ông L, ông N1, bà T, ông P1, bà Đ, bà P B, bà L1 để giải hòa giữa hai đứa con là ông C và ông L về việc ông L đòi phần đất tại số B P. Tại cuộc họp gia đình trong lúc tức giận ông C có nói sẽ mua miếng đất khác trả lại cho ông L, chuyện này là nói ra trong lúc tức giận chứ ông C không có mua đất giùm cho ông L. Tại cuộc họp gia đình ông L có ghi âm lại, ông thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông và ông C. Đối với tiền học bổng ông Công nhận giùm cho ông L tại Sở G hơn 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông C có giao số tiền này lại cho ông và ông đã sử dụng vào mục đích trị bệnh, sửa chuồng heo, mua chiếc xe, ông không có giao tiền này lại cho ông L. Ông C có mua giùm ông L miếng đất nhưng hai bên đã thỏa thuận đổi đất rồi. Đối với vụ kiện ông có ý kiến là ông L kiện ông C là không đúng.

Người làm chứng bà Trương Thị O trình bày: Trước đây con của bà là ông Đặng Chí C có hứa trả lại phần đất tại số B P cho ông L nhưng ông C không thực hiện do vợ ông của C là bà Cao Mộng N không đồng ý. Gia đình bà có mời họp gia đình nhiều lần nhưng không giải quyết được. Đến ngày 05/12/2020, gia đình mở cuộc họp gia đình có những người tham gia như ông C1 trình bày trên và theo như đoạn ghi âm ông L cung cấp cho Tòa án. Tại cuộc họp gia đình, ông C có hứa trả lại cho ông L phần đất trước đây ông C mua giùm cho ông L tại số B P với phương thức mua trả lại nền khác tương tự hoặc trả lại bằng tiền theo giá thị trường. Tuy nhiên, ông L yêu cầu ông C ký vào văn bản thì ông C không đồng ý. Sự việc ông Đặng Chí C và ông Đặng Chí L thỏa thuận mua đất giùm bà có biết được là do ông C và ông L trực tiếp nói cho bà biết. Khi ông C mua phần đất ông C có chở bà lại đất để xem, có nói với bà là mua giùm nền đất cho ông L với giá mua là 130.000.000 đồng từ số tiền nhận tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H. Sau khi mua đất ông L thấy ông C không có chổ ở, phải ở trọ nên cho ông C mượn phần đất này để cất nhà ở, khi nào ông L về có nhu cầu sử dụng thì trả lại nhưng ông C không trả nên mới phát sinh tranh chấp.

Người làm chứng bà Đặng Thị Như H trình bày: Bà là em ruột của ông C và là chị ruột của ông L. Khi ông L đi học ở nước ngoài thì toàn bộ tiền học bổng

của ông L giao hết cho ông C đi nhận và mua giùm cho ông L phần đất nhưng do chị dâu là Cao Mộng N không đồng ý trả lại. Tại cuộc họp gia đình thì ông C cũng đồng ý trả lại nền đất hoặc bằng giá trị tương đương.

Tại bản án sơ thẩm số 166/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Chí L do ông Trần Thanh P làm đại diện về việc yêu cầu công nhận thửa đất số 1744 thuộc tờ bản đồ số 21, đất tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang của ông Đặng Chí L và buộc ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N trả lại thửa đất trên.

2/ Dành quyền khởi kiện cho ông Đặng Chí L đối với số tiền 357.799.600 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng) mà ông Đặng Chí Công n thay từ Sở G thành vụ kiện khác khi có tranh chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại thửa đất tại số B P, nguyên đơn đồng ý trả lại giá trị căn nhà trên đất cho bị đơn với các căn cứ sau đây:

Ông L ủy quyền cho ông Công nhận số tiền học bổng 357.799.600 đồng.

Trong đoạn ghi âm được lập vi bằng ông đã thừa nhận mua dùm thửa đất số 24 P. Các ý kiến của ông C1, bà H, bà O đều có biết việc ông C mua dùm cho ông L thửa đất trên.

Việc bà N tự ý đứng tên thửa đất tại số B P không có sự đồng ý của ông L.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến, không thống nhất với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy căn cứ vào đoạn ghi âm thể hiện ông C có hứa mua cho ông L nền nhà khác để đổi trả, nếu ông L không đồng ý thì ông C di dời nhà trả đất cho ông L. Mặt khác các lời khai của những người thân trong gia đình là ông C1, bà O, bà H đều thừa nhận có việc ông C mua dùm thửa đất số 24 P cho ông L. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Mặc dù trong đơn ủy quyền không nêu rõ nội dung ủy quyền cho người nhận ủy quyền kháng cáo bản án. Tuy nhiên sau đó ông L đã gửi văn bản cho Tòa án thống nhất với việc người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nhĩa vụ liên quan ông C1 vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông C1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp tại số B P có diện tích 103,3m^2 thuộc thửa đất số 1744, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01636 cấp ngày 06/01/2011 do ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N đứng tên. Trên phần đất, ông C và bà N đã xây dựng căn nhà trên đất có cấu trúc là nhà trệt và gác lửng vào năm 2016.

Ông L cho rằng từ năm 2009 đến năm 2011 có ủy quyền cho ông Công nhận số tiền là 357.799.600 đồng từ Sở G và nhờ ông C mua giùm cho ông L thửa đất tại số B P nêu trên. Về phía bà N không thừa nhận và cho rằng phần đất tại số B P cùng căn nhà trên đất là tài sản của vợ, chồng bà tạo lập, không liên quan đến số tiền ông Công nhận thay ông L nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

[2.2] Xét thấy ông Đặng Chí L có cung cấp chứng cứ cho Toà án là văn bản xác nhận đã cấp phát tiền theo Đề án HG160 cho ông Đặng Chí L kèm theo phiếu chi tiền của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh H thể hiện ông Đặng Chí Công n thay với số tiền là 357.799.600 đồng. Những người thân trong gia đình của ông C và ông L là ông C1, bà O và bà H đều thừa nhận có việc ông L ủy quyền cho ông Công nhận số tiền học bổng từ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H. Mặt khác, xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án ông C cũng không có bất cứ ý kiến phản đối đối với lời trình bày của ông L về vấn đề này. Do đó có căn cứ khẳng định, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011, ông C đã nhận thay ông L số tiền học bổng 357.799.600 đồng là đúng sự thật.

[2.3] Đối với việc ông L cho rằng có nhờ ông C dùng số tiền học bổng để mua giùm thửa đất tại số B đường P. Thấy rằng mặc dù giữa ông L và ông C không có văn bản nào thỏa thuận về việc mua đất giùm. Tuy nhiên căn cứ vào nội dung ghi âm cuộc họp gia đình để giải quyết việc ông L đòi ông C trả thửa đất tại số B P vào ngày 05/12/2020, cuộc gọi điện thoại ngày 06/12/2020 và ngày 12/01/2021 giữa ông C1 với ông C, giữa ông C1 với chị Bích P2 (con dâu của ông Phạm Văn P3), đã được Văn phòng T1 lập vi bằng ngày 27/8/2022, trong đó đoạn ghi âm cuộc họp gia đình 05/12/2020 thể hiện ông L đòi lại nền nhà tại số B P, cụ thể ông

L trình bày "*Hồi đó lúc con đi học con chưa có nhu cầu sử dụng, anh em trong nhà mình nghĩ mình tin tưởng nhau đưa tiền bạc cho ảnh bây giờ nhờ ảnh mua dùm chứ với người ngoài con không dại…*" và các lời trình bày của ông C có nội dung "*Trước giờ cũng tiền bạc của Liệt nó để lại cha mẹ mới để cho con mua bán xoay sở cho hai anh em cùng nhau làm thì ở đây con làm*"; " *Con cũng dặn anh giám đốc thì anh hứa với con rồi chắc có lẽ qua tết mới có được cái nền đó thì tới đó con để cho thằng L nó đứng tên cái nền đó con chỉ vậy thôi*" "*…Báo cho mấy cô chú thì tới đây nếu mà qua tết xong cái nền đó, xong cái khu đó là có cái nền trả cho nó, đưa cho nó, y chang vậy đó cũng ngay chân với con, y chang hướng của con, ngay góc như vậy, kích thước cũng tương tự*". Ông C còn cho rằng sau khi đổi nền mới sẽ kêu ông L ra "*nhìn thấy nếu chịu thì nhận còn nếu không chịu thì kêu thần đèn dời qua*". Tại cuộc hội thoại giữa ông C với ông C1 vào ngày 06/12/2020 ông C1 cho rằng "*Nền khác nó không chịu, nó đòi cái nền mày không*" thì anh C trả lời "*Thì nói đòi ngày cái nền, thì con dời cái nhà qua, kệ nó, con dời nhà, con mua cái nền khác*". Như vậy các chứng cứ trên thể hiện nội dung ông L yêu cầu ông C trả lại nền ngay tại vị trí nhà ông C đang ở tại số B P đồng thời ông C không có bất cứ phản đối gì đối với yêu cầu của ông L mà chỉ đưa ra thoả thuận và hứa nhận chuyển nhượng một nền khác tương tự để đổi trả.

Mặt khác, những người thân trong gia đình gồm có ông C1 là cha của ông C và ông L tại biên bản lấy lời khai (BL 79, 80) ông C1 thừa nhận ông L có nhờ ông C mua giùm cho ông L nền nhà tại số B, Phan Đình P4. Bà O là mẹ của ông C và ông L cùng chị H là chị em ruột của ông C và ông L cũng thừa nhận, thửa đất tại số B P là của ông L nhờ ông C mua giùm vì bà H cũng nhờ ông C mua 01 nền cặp bên nhưng bà đã chuyển nhượng cho người khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C không trực tiếp tham gia mà ủy quyền cho bà N. Mặc dù bà N không thừa nhận việc đổi trả đất trong đoạn ghi âm có liên quan đến thửa đất số 24 P mà bà và ông C đang ở nhưng bà thừa nhận giọng nói là của ông C. Hơn nữa bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đổi trả đất ông C đã hứa trong cuộc ghi âm là của thửa đất khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà nghi thừa nhận không có việc đổi đất tại thửa số 24 P với phần đất tại Quốc lộ F như lời ông C1 trình bày trước đây.

[2.4] Đối với ý kiến của bà N cho rằng thửa đất số 24 P là tài sản chung do vợ chồng của bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nguồn tiền nhận chuyển nhượng từ vàng cưới và tiền tiết kiệm của của vợ, chồng bà. Tuy nhiên lời trình bày của bà là không thống nhất với lời trình bày của ông C thừa nhận trong cuộc họp gia đình ngày 05.12.2020 "*Ở nhà cũng trước giờ tiền bạc của L nó để lại, cha mẹ mới để cho con mua bán xoay sở cho hai anh em cùng nhau làm thì ở đây con làm*". Bà N cũng không có gì chứng minh nguồn tiền nhận chuyển nhượng là của vợ, chồng bà bỏ ra. Hơn nữa, căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 1774 chỉ có một mình ông C ký nhận chuyển nhượng của ông Bùi Ngọc V, các biên lai trả tiền nhận chuyển nhượng cũng chỉ có ông C và bà H là người đi giao trả tiền mà không có bất cứ có sự tham gia nào của bà N.

Từ đó có căn cứ xác định thửa đất 1774 tại số B P được ông L bỏ tiền để nhận chuyển nhượng, ông C là người đứng nhận chuyển nhượng giùm cho ông L. Sau đó ông C đã tự kê khai cho bà N cùng đứng tên.

[2.5] Mặc dù thửa đất là do ông L bỏ tiền ra nhưng ông C đã bỏ công sức trong việc nhận chuyển nhượng và bảo quản thửa đất. Do đó cần áp dụng án lệ 02/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao trong việc tính công sức đóng góp cho ông L đó là sau khi trừ đi số tiền gốc cho ông L bỏ ra nhận chuyển nhượng, lợi nhuận còn lại được chia cho ông C và ông L là phù hợp. Do ông L là người bỏ ra toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng đất, còn ông C cũng đã được hưởng lợi từ việc cất nhà ở trên đất từ năm 2016 đến nay nên cần chia lợi nhuận cho ông C được hưởng 40% và ông L được hưởng 60%, cụ thể, căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T2 ngày 12/5/2022, giá trị phần đất là 1.416.966.100 đồng trừ đi số tiền gốc 129.125.000 đồng còn lại 1.287.841.100 đồng, ông C được chia phần tương đương 515.136.440 đồng, ông L được chia phần tương đương 772.704.660 đồng.

Do thửa đất vào năm 2016, ông C và bà N đã xây cất nhà cấp 4 kiên cố ở cho đến nay, ông L thừa nhận có cho ông C mượn đất để cất nhà nên không có ngăn cản gì, nay ông L đã đi nước ngoài làm ăn nên không có nhu cầu cần sử dụng căn nhà trong khi ông C và bà N đang là người đứng tên quyền sử dụng đất và đang trực tiếp cùng hai con đang sinh sống tại căn nhà. Do đó cần ổn định cho ông C và bà N tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất tại số B P, ông C và bà N có trách nhiệm giao trả bằng giá trị cho ông L tổng số tiền bao gồm tiền gốc và tiền chênh lệch tăng giá trị đất là 901.829.660 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với số tiền ông C nhận học bổng giùm cho ông L 357.799.000 đồng, được trừ vào số tiền nhận chuyển nhượng phần đất tại số B P 129.125.000 đồng, phần còn lại các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Các đương sự có quyền thỏa thuận với nhau hoặc nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất và sơ đồ thửa đất tranh chấp, chi phí định giá tài sản đất tranh chấp, tổng cộng là 21.400.000 đồng. Căn cứ vào điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự, buộc nguyên đơn ông Đặng Chí L và bị đơn ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N mỗi bên phải chịu 10.700.000 đồng. Phần của ông L đã nộp đủ, phần của ông C và bà N phải nộp lại tại Chi cục THADS thành phố V, tỉnh Hậu Giang để trả lại cho ông L.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn ông Đặng Chí L và bị đơn ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N nộp theo quy định.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Chí L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Điều 147; 157, 165 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 221, Điều 224; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Chí L đối với bị đơn ông Đặng Chí C, bà Cao Mộng N.

2. Buộc ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N phải giao trả cho ông Đặng Chí L tiền giá trị thửa đất là 901.829.660 đồng (Chín trăm linh một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

3. Ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N được quản lý, sử dụng thửa đất số 1744 thuộc tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01636 cấp ngày 06/01/2011 do ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N đứng tên, tọa lạc tại số B đường P, phường I, thành phố V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất và sơ đồ thửa đất tranh chấp, chi phí định giá tài sản đất tranh chấp, nguyên đơn ông Đặng Chí L và bị đơn ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N mỗi bên phải chịu 10.700.000 đồng. Phần của ông L đã nộp đủ, phần của ông C và bà N phải nộp lại tại Chi cục THADS thành phố V, tỉnh Hậu Giang để trả lại cho ông L.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Chí L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006237 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Bị đơn ông Đặng Chí C và bà Cao Mộng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

6. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 31/5/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Vị Thanh, Hậu Giang;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thọ